

Số: *181* /GCN-BXD

Hà Nội, ngày *09* tháng *9* năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Khoa học Kỹ thuật AIPAS Việt Nam và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 25/8/2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Khoa học Kỹ thuật AIPAS Việt Nam.

Mã số thuế: 0107826938

Địa chỉ: Số 55 ngách 140/1 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Liên kè 6, Khu đô thị Đại Thanh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 965

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Khoa học Kỹ thuật AIPAS Việt Nam
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 965
(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 181 /GCN-BXD, ngày 09 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
GẠCH ĐẤT SÉT NUNG		
1.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
2.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
3.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
4.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
5.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
6.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
GẠCH TERAZO		
7.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
8.	Xác định cường độ uốn	TCVN 7744:2013
9.	Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
10.	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013
GẠCH BLOCK BÊ TÔNG		
11.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2011
12.	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2011
13.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2011
14.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
15.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2011
GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
16.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
17.	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
18.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
19.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
20.	Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995
GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC), GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP		
21.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017
22.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
23.	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
24.	Xác định độ vuông góc	TCVN 9030:2017
25.	Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
26.	Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017
GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN		
27.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
28.	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 6065:1995; TCVN 4732:2016
29.	Xác định lực uốn gãy	TCVN 6065:1995
30.	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995
GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT		
31.	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-02:2016
32.	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-03:2016

5

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
33.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-04:2016
34.	Độ chịu mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-06:2016
35.	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-07:2016
36.	Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
37.	Hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016
ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN		
38.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415- 3:2016
39.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415- 4:2016
40.	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 4732:2016
GẠCH GRANIT		
41.	Xác định chất lượng bề mặt	TCVN 6883:2001
42.	Xác định độ hút nước	TCVN 6883:2001
NGÓI LỘP		
43.	Xác định trọng tải uốn gãy	TCVN 4313:1995
44.	Xác định độ hút nước	TCVN 4313:1995
45.	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995
46.	Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
TẤM SÓNG AMIĂNG XI MĂNG		
47.	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000
48.	Tải trọng uốn gãy theo chiều rộng tấm sóng	TCVN 4435:2000
SƠN PHỦ KẾT CẤU XÂY DỰNG, SƠN TƯỜNG		
49.	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
50.	Xác định thời gian chảy (độ nhớt)	TCVN 2092:2008; ASTM D562-10
51.	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2008
52.	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
53.	Xác định độ bám dính	TCVN 2097:2015
54.	Xác định độ cứng	TCVN 2098:2007
55.	Xác định độ bền uốn	TCVN 2099:2007
56.	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100:2007
57.	Xác định độ bóng, phản quang	TCVN 2101:2016; ASTM D4585
58.	Xác định hàm lượng rắn	TCVN 9014:2011; ASTM D2134-07
59.	Xác định khối lượng riêng	ASTM D1475-08; ISO 2811-1:97; ISO 3233-3: 2015
60.	Xác định độ pH	ASTM E70-07
61.	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652:2012
62.	Xác định độ bền kéo	ASTM D4541
63.	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2012
64.	Xác định sự thay đổi độ bóng	TCVN 8785-6:2011
65.	Xác định chu kỳ nóng lạnh của sơn	TCVN 8653-5:2012

5

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
66.	Xác định độ mài mòn	TCVN 8785-7:2011
67.	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2012
68.	Xác định chiều dày màng	TCVN 9406:2012; TCVN 9760:2013
SẢN PHẨM KÍNH XÂY DỰNG		
69.	Xác định khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
70.	Thử độ bền va đập	TCVN 7368:2013
71.	Xác định ứng suất bề mặt của kính	TCVN 8261:2009
72.	Xác định độ bền chịu nhiệt	TCVN 7364-4:2018
73.	Xác định chiều dày, khuyết tật ngoại quan, điểm sương	TCVN 8260:2009
74.	Xác định độ xuyên quang độ phản quang	TCVN 7737-2007
75.	Xác định ứng suất bề mặt và ứng suất cạnh	TCVN 8261:2009
76.	Xác định chiều dày	TCVN 7219:2018
77.	Xác định độ cong vênh	TCVN 7219:2018
78.	Xác định độ bền phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013
TẤM TƯỜNG BÊ TÔNG ĐÚC SẴN		
79.	Độ bền va đập	TCVN 11524:2016
80.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
81.	Cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:1993
82.	Độ bền treo vật nặng	TCVN 11524:2016
ỐNG VÀ PHỤ TÙNG POLYETYLEN (PE); POLYPROPYLEN; POLYVINYL; PVC-U		
83.	Xác định độ bền thủy tĩnh	TCVN 6149-1:2007; TCVN 6149-2:2007; TCVN 6149-3:2007
84.	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011
85.	Xác định độ đàn hồi vòng	TCVN 8851:2011
HỆ THỐNG ống nhựa nhiệt rắn gia cường bằng sợi thủy tinh		
86.	Xác định độ cứng vòng riêng ban đầu	TCVN 10769:2015

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

5